Chi tiết mã HS 7306.50.19

Mã HS	7306.50.19
Mô tả hàng hóa	Các loại ống, ống dẫn và thanh hình rỗng khác, bằng sắt hoặc thép (ví dụ, nối hở hoặc hàn, tán đinh hoặc ghép bằng cách tương tự) / - Loại khác, được hàn, có mặt cắt ngang hình tròn, bằng thép hợp kim khác: / - - Ống dùng cho nồi hơi: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	02/11/2026 12:17:29
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/73065019/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K11660
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N11660
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q11660
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	2,7	2,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10991
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10942
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10942
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10942
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10942
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10942
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10942
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10994
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10994

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10994
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10994
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10994
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10994
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10995
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10995
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10995
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10995
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10995
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10995
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10996
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10948
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10954
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10954
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10954
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10954
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10954
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10954
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10983
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10983
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10983
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10983
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10983
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10983
VCFTA	2022	2022	5	VC!D11032
VCFTA	2023	2023	5	VC!E11032

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11032
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11032
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11032
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11032
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11017
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11017
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11017
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11017
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11017
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11017
AHKFTA	2022	2022	3	AKH!D11017
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E11017
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F11017
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G11017
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H11017
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11017
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D11034
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E11034
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F11034
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11034
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11034
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11034
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D11033
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E11033
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F11033
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11033

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11033
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11033
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10980
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10980
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10980
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10980
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10980
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10980
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10980
RCEP A	2022	2022	4,5	RCEPT-A!D11017
RCEP A	2023	2023	4	RCEPT-A!E11017
RCEP A	2024	2024	3,5	RCEPT-A!F11017
RCEP A	2025	2025	3	RCEPT-A!G11017
RCEP A	2026	2026	2,5	RCEPT-A!H11017
RCEP A	2027	2027	2	RCEPT-A!I11017
RCEP B	2022	2022	4,5	B!D11017
RCEP B	2023	2023	4	B!E11017
RCEP B	2024	2024	3,5	B!F11017
RCEP B	2025	2025	3	B!G11017
RCEP B	2026	2026	2,5	B!H11017
RCEP B	2027	2027	2	B!I11017
RCEP C	2022	2022	4,5	C!D11017
RCEP C	2023	2023	4	C!E11017
RCEP C	2024	2024	3,5	C!F11017
RCEP C	2025	2025	3	C!G11017
RCEP C	2026	2026	2,5	C!H11017

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	2	C!I11017
RCEP D	2022	2022	4,5	D!D11016
RCEP D	2023	2023	4,1	D!E11016
RCEP D	2024	2024	3,6	D!F11016
RCEP D	2025	2025	3,2	D!G11016
RCEP D	2026	2026	2,7	D!H11016
RCEP D	2027	2027	2,3	D!I11016
RCEP E	2022	2022	4,5	E!D11020
RCEP E	2023	2023	4	E!E11020
RCEP E	2024	2024	3,5	E!F11020
RCEP E	2025	2025	3	E!G11020
RCEP E	2026	2026	2,5	E!H11020
RCEP E	2027	2027	2	E!I11020
RCEP F	2022	2022	4,5	F!D11017
RCEP F	2023	2023	4	F!E11017
RCEP F	2024	2024	3,5	F!F11017
RCEP F	2025	2025	3	F!G11017
RCEP F	2026	2026	2,5	F!H11017
RCEP F	2027	2027	2	F!I11017
VIFTA	2024	2024	4.3	VI!F10201
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G10201
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H10201
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I10201

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7306.50 có 4 dòng thuế; dòng 7306.50.19 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	7306.50.11 Với đường kính ngoài dưới 12,5 mm; 7306.50.91 Với đường kính ngoài dưới 12,5 mm; 7306.50.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Ống và ống dẫn, ống khớp nối các loại bằng Thép > Ống và ống dẫn bằng thép có nối ghép (được hàn, tán bằng đinh, ghép với nhau bằng cách tương tự...). (Tham chiếu mã HS 4 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7306.50.19. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 7306.50.19 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N11660), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.